

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu D Tỏi, Bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1997.

Số Căn cước: 010197005211

Nơi thường trú: Tổ dân phố Xóm Mới, thị trấn M, huyện M, tỉnh L (Nay là tổ dân phố Xóm Mới, xã M, tỉnh L); *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Chu Đình H

- Luật sư, Công ty Luật TNHH A Việt Nam – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Xuân D, sinh năm 1992.

Số CCCD: 030092003926

Nơi thường trú: thôn My Động, xã G, huyện T, tỉnh O (Nay là thôn Đ, xã Nam T, thành phố P). *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Xuân D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 18/3/2021. Sau khi kết hôn, chị về chung sống tại gia đình chồng. Vợ chồng vui vẻ hoà thuận được một

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm về suy nghĩ, lối sống, làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không hàn gắn được. Khoảng tháng 6/2021, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau, chị và anh D mỗi người làm ăn và sinh sống một nơi, không ở cùng nhau, tình cảm lạnh nhạt xa cách. Thời gian ly thân, vợ chồng không có biện pháp hàn gắn, chỉ thỉnh thoảng nói chuyện hỏi thăm con cái. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Hồ Xuân D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Hồ Nhã Uyên, sinh ngày 28/10/2020. Hiện con đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Hiện nay chị làm kinh doanh tự do, thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 15 triệu đồng. Chị ở cùng nhà với bố mẹ để có nơi ở ổn định. Mặt khác, chị làm kinh doanh tự do nên chủ động được thời gian để chăm sóc con nhỏ. Chị cam kết đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 13- P đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ, niêm yết văn bản tố tụng cho anh Hồ Xuân D theo quy định pháp luật. Anh D không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, không đến Tòa làm việc. Tòa án đã đến gia đình anh D, gặp ông Hồ Văn N và bà Nguyễn Thị Hon là bố mẹ đẻ anh D để giao văn bản tố tụng, lấy lời khai, ông N bà Hon trình bày: Chị N, anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G (nay là UBND xã Nam T) năm 2021. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại gia đình ông bà, anh chị đều làm tự do. Sau khi chị N sinh con, ông bà đã hỗ trợ vợ chồng chăm sóc cháu. Tháng 4/2025, chị N bảo cho con lên nhà ông bà ngoại chơi ba tháng hè, ông bà tin tưởng là cho cháu đi chơi nên mới đồng ý cho cháu về nhà ngoại, nhưng sau đó chị N không cho con về nữa và gửi đơn xin ly hôn anh D đến Tòa án. Ông bà đã hỏi anh D về việc vợ chồng ly hôn thì anh D nói “Cái N nó đã thay đổi quá nhiều, giờ nó muốn làm thế nào thì làm”. Ông bà cũng gọi điện cho chị N bảo chị thu xếp cho con về, chị N chỉ bảo “Để con thu xếp”, nhưng cũng không cho con về. Anh D hiện đi làm ở Hà Nội, làm công việc về ngành khách sạn, ông bà không biết cụ thể anh D làm ở khách sạn nào, địa chỉ ở đâu, thỉnh thoảng anh D vẫn về nhà. Giấy tờ Tòa án gửi về gia đình, ông bà đều thông báo cho anh D biết, đồng thời cất vào tủ để khi nào anh D về nhà thì xem. Anh D chỉ nói với ông bà là “N nó xin ly hôn thì cứ giải quyết theo ý kiến của N, anh D bận làm ăn không về được”. Nay chị N yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con với anh D, ông bà là bố mẹ chỉ biết khuyên bảo mà các con không nghe thì phải chịu, việc quyết định ly hôn hay không là do anh chị ấy. Về cháu Hồ Nhã Uyên là con chung

của chị N anh D, hiện nay đang ở cùng với chị N. Ông bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Luật số 97 về lệ phí và án phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Toà án, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân, xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N, xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Hồ Xuân D.

- Về con chung, xử: Giao cho chị Trịnh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồ Nhã Uyên, sinh ngày 28/10/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị N phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trịnh Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Hồ Xuân D, đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã Nam T, thành phố P. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Trịnh Thị N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư ông Chu Đình H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Hồ Xuân D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b, đ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Hồ Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G (nay là UBND xã

Nam T, thành phố P) ngày 18-3-2021, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị N và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống không H phúc. Theo chị N trình bày, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm về suy nghĩ, lối sống, làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung, dẫn đến cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt, hôn nhân không H phúc. Tháng 6/2021, anh chị chính thức sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm nhau, không có biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh D và thông báo hòa giải, nhưng anh D không tham gia, chứng tỏ anh không bày tỏ thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị N được ly hôn anh D là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N, anh D có một chung là cháu Hồ Nhã Uyên, sinh ngày 28/10/2020. Hiện con đang ở với chị N. Ly hôn, chị N xin được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị N làm kinh doanh tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 15 triệu đồng. Chị ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, có nơi ở ổn định. Mặt khác, chị làm kinh doanh tự do, chủ động được thời gian để chăm sóc con nhỏ. Chị cam kết đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không bày tỏ nguyện vọng xin nuôi con, mặt khác cháu Hồ Nhã Uyên còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần giao con chung cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b, đ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N. Xử cho chị Trịnh Thị N ly hôn anh Hồ Xuân D.

2. Về con chung: Giao con chung Hồ Nhã Uyên, sinh ngày 28/10/2020 cho chị Trịnh Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hồ Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố P theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001934 ngày 17 tháng 7 năm 2025. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 13- P;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã G (nay là UBND xã Nam T (Giấy CNKH số 12/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn